| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN ĐỒ SƠN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ | *Đồ Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Anh Cao Xuân T, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

- Chị Nguyễn Thị Kim A, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân T và chị Nguyễn Thị Kim A xây dựng hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 11-9-1995. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh chị luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và thường xuyên xảy ra việc cãi cọ, xô xát. Mặc dù cả hai anh chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục và được hai bên gia đình tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh, chị đã sống ly thân được 7 năm nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị A mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Vì vậy, việc anh T và chị A thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thuận tình ly hôn,

thỏa thuận việc nuôi con ngày 04 tháng 4 năm 2019 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh T và chị A có 03 con chung là Cao Thị Thanh X, sinh ngày 20-4-1996, Cao Thị Thanh N, sinh ngày 28-6-2004 và Cao Văn T, sinh ngày 09-02-2007. Cháu X đã thành niên nên anh T và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh, chị tự thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, anh T nhận nuôi cháu N và chị A nhận nuôi cháu T; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và đảm bảo được quyền lợi chính đáng của các con, cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị A thỏa thuận giao cho anh T nộp 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị A về lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con ngày 04 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân T và chị Nguyễn Thị Kim A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị A có 03 con chung là Cao Thị Thanh X, sinh ngày 20-4-1996, Cao Thị Thanh N, sinh ngày 28-6-2004 và Cao Văn T, sinh ngày 09-02-2007. Cháu X đã thành niên nên anh T và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T và chị A thống nhất giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị A nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh T và chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, theo Biên lai số: 0006965 ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Ngọc Hải;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, HCTP.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Văn Năm**